

BỘ TƯ PHÁP
Số: 02/PL-DSKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 1 năm 1995

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành một số điểm của Nghị định số 116-CP ngày 5-9-1994 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế

Ngày 5-9-1994, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 116-CP về tổ chức và hoạt động của Trọng tài kinh tế.

Để thực hiện đúng các quy định của Nghị định trên, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điểm cụ thể như sau:

I. VỀ THẨM QUYỀN CỦA TRỌNG TÀI KINH TẾ

1. Theo quy định tại Điều 1 của Nghị định, Trọng tài kinh tế có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp sau đây, không phụ thuộc vào quốc tịch của các bên tranh chấp:

a. Tranh chấp về hợp đồng kinh tế giữa pháp nhân với pháp nhân, giữa pháp nhân với doanh nghiệp tư nhân, giữa doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp tư nhân và giữa pháp nhân, doanh nghiệp tư nhân với cá nhân kinh doanh;

b. Tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể công ty như tranh chấp đòi rút vốn ra khỏi công ty, phân chia lỗ, lãi, nhập, tách, giải thể công ty, tranh chấp về quyền, nghĩa vụ của thành viên công ty;

c. Tranh chấp liên quan đến mua bán cổ phiếu, trái phiếu.

2. Trung tâm trọng tài tự xác định lĩnh vực hoạt động của mình tùy thuộc vào khả năng chuyên môn của các Trọng tài viên. Lĩnh vực hoạt động của Trung tâm phải được ghi rõ trong Điều lệ của Trung tâm. Trong quá trình hoạt động Trung tâm trọng tài có thể mở rộng hoặc thu hẹp lĩnh vực hoạt động, nhưng phải được sự đồng ý của

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và phải được bổ sung vào Điều lệ của Trung tâm.

II. VỀ TIÊU CHUẨN TRỌNG TÀI VIÊN

Điều kiện công nhận Trọng tài viên đã được quy định tại Điều 8 của Nghị định. Một số tiêu chuẩn được quy định cụ thể như sau:

1. Người được coi là có kiến thức và kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật và kinh tế nói tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Nghị định là người có trình độ đại học luật hoặc tương đương đại học luật và có ít nhất 8 năm liên tục làm công tác pháp luật và kinh tế.
2. Người mất trí nói tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định là người đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc mất khả năng điều khiển hành vi của mình theo xác nhận của cơ quan y tế từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên.

III. VỀ XÉT CẤP, ĐỔI VÀ THU HỒI THẺ TRỌNG TÀI VIÊN

1. Thành lập Hội đồng xét chọn Trọng tài viên
 - a. Hội đồng xét chọn Trọng tài viên (sau đây gọi tắt là Hội đồng xét chọn) nói tại khoản 4 Điều 8 của Nghị định gồm 5 thành viên, gồm các cán bộ trong và ngoài ngành Tư pháp, do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định thành lập theo từng đợt xét chọn, có chức năng tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp trong việc xét chọn Trọng tài viên.
 - b. Hội đồng xét chọn có quyền hạn, nhiệm vụ sau đây:
 - b.1. Xem xét hồ sơ của những người có đơn đề nghị công nhận Trọng tài viên;
 - b.2. Tổ chức việc kiểm tra chuyên môn người có được đề nghị công nhận Trọng tài viên;
 - b.3. Lập báo cáo về kết quả xét chọn và đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, công nhận Trọng tài viên.
 - c. Giúp việc cho Hội đồng xét chọn có Tổ chuyên viên do Bộ trưởng Bộ Tư pháp chỉ định. Tổ chuyên viên có quyền hạn, nhiệm vụ sau đây:

- c.1. Tiếp nhận, tập hợp hồ sơ và lập danh sách những người có đơn đề nghị công nhận Trọng tài viên do Sở Tư pháp gửi đến;
- c.2. Chuẩn bị tài liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động xét chọn Trọng tài viên.
- c.3. Thông báo thời gian, địa điểm kiểm tra chuyên môn cho người có đơn đề nghị công nhận Trọng tài viên;
- c.4. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết khác cho việc kiểm tra chuyên môn và hoạt động xét chọn của Hội đồng;
- c.5. Thực hiện các công việc cần thiết để Bộ trưởng Bộ Tư pháp công nhận và cấp Thẻ Trọng tài viên;
- c.6. Lưu giữ, bảo quản các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc xét chọn Trọng tài viên và hồ sơ Trọng tài viên.

2. Thủ tục xét chọn

a. Người có nguyện vọng được công nhận Trọng tài viên phải làm hồ sơ đề nghị cấp Thẻ Trọng tài viên gửi Sở Tư pháp của địa phương, nơi người đó đang cư trú. Hồ sơ được làm thành 2 bộ, gồm:

- a.1. Đơn xin công nhận Trọng tài viên;
- a.2. Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú;
- a.3. Giấy xác nhận tình trạng sức khỏe;
- a.4. Bản sao văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn được Công chứng Nhà nước chứng nhận.

Trong trường hợp hồ sơ chưa đủ hoặc không hợp lệ thì Sở Tư pháp hướng dẫn cho người nộp đơn bổ sung hồ sơ.

Chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ do Bộ Tư pháp quyết định đối với từng đợt xét chọn, Sở Tư pháp có trách nhiệm chuyển một bộ hồ sơ cho Bộ Tư pháp kèm theo ý kiến của mình về phẩm chất, năng lực chuyên môn của người nộp đơn.

b. Thời gian, địa điểm, hình thức và nội dung kiểm tra chuyên môn để công nhận Trọng tài viên do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

c. Thông báo triệu tập phiên họp Hội đồng xét chọn phải được gửi cho các thành viên Hội đồng chậm nhất là 10 ngày trước khi họp.

Hội đồng chỉ tiến hành phiên họp khi có sự tham gia của tất cả các thành viên.

d. Tại cuộc họp của Hội đồng, theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng, một thành viên trình bày các tài liệu có trong hồ sơ và thông báo kết quả kiểm tra chuyên môn của từng người làm đơn xin công nhận Trọng tài viên;

Căn cứ vào tiêu chuẩn Trọng tài viên, các thành viên của Hội đồng phát biểu ý kiến. Chủ tịch Hội đồng có thể yêu cầu tổ chuyên môn cung cấp thông tin về những vấn đề mà các thành viên Hội đồng quan tâm.

Trong quá trình xét chọn, nếu có vấn đề chưa thể làm sáng tỏ được tại phiên họp thì Hội đồng có thể quyết định việc bổ sung tài liệu để xem xét trong phiên họp tiếp theo. Nghị quyết của Hội đồng về kết quả xét chọn đối với từng người phải được đa số thành viên biểu quyết tán thành.

Nội dung phiên họp của Hội đồng xét chọn phải được lập thành biên bản, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

3. Cấp Thẻ Trọng tài viên

Chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày kết thúc việc xét chọn, Hội đồng xét chọn phải báo cáo kết quả và đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp xem xét, quyết định việc công nhận Trọng tài viên.

Thẻ Trọng tài viên được cấp chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định công nhận Trọng tài viên.

4. Đổi Thẻ Trọng tài viên

Thẻ Trọng tài viên có giá trị trong thời hạn 2 năm, khi hết hạn được đổi Thẻ mới, trừ trường hợp trong thời gian đó Trọng tài viên không tham gia một Trung tâm trọng tài nào mà không có lý do chính đáng.

5. Thu hồi Thẻ Trọng tài viên

a. Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 9 của Nghị định thì Thẻ Trọng tài viên có thể bị thu hồi trong trường hợp Trọng tài viên vi phạm pháp luật nghiêm trọng, cụ thể